TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/DS-ST
Ngày 11-8-2022
V/v Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân;

1. Ông Nguyễn Văn Hải;

2. Ông Lê Văn Rẽn.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Tiến Danh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Ông Hoàng Đình Lưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Công P (tên gọi khác: M), sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Tây Ninh (*Có mặt*).

Bị đơn: AnhTrần Quốc T, sinh năm: 1977. Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn Y, huyện Z, tỉnh Tây Ninh *(Có mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11-4-2022 và trong quá trình làm việc nguyên đơn là anh Trần Công P trình bày:

Vào năm 2021 anh làm ăn mua bán nên quên biết với anh Trần Quốc T,

do bà Phạm Thị C giới thiệu nên anh có cho anh T vay tiền cụ thể như sau: Ngày 12-5-2021 ÂL, anh cho anh T vay số tiền 300.000.000 đồng, có lập giấy mượn tiền ngày 12-5-2021 ÂL, anh T ký tên. Khi vay tiền hai bên có thoả thuận lãi suất bằng lời nói là 5%/tháng (50.000 đồng/1.000.000 đồng/01 tháng), thời gian vay khoảng 10 ngày, anh T giao cho anh P 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 231145 do anh T đứng tên, để làm tin. Đến ngày 17-5-2021 ÂL, anh T tiếp tục vay của anh số tiền 200.000.000 đồng, khi này anh không lập giấy mượn tiền mới, mà anh T trực tiếp gạch số tiền vay 300.000.000 đồng trong giấy mượn tiền ngày 12-5-2021 và viết vào dòng chữ "mượn của anh P tất cả 500.000.000 đ (năm trăm triệu đồng chẵn) 17/5/2021, (ký tên)". Khoảng 10 ngày là ngày 27-5-2021 ÂL, anh T có trả cho anh P tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 12-5-2021 đến ngày 27-5-2021 ÂL, nên còn nợ lại số tiền gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 27-5-2021 ÂL. Anh P đã gọi điện đòi tiền anh T nhiều lần, nhưng anh T không trả. Do đó, anh P khởi kiện yêu cầu anh T trả số tiền số tiền gốc 300.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 27-5-2021 Âm lịch cho đến khi giải quyết xong vụ án. Khi nào anh T thanh toán xong số tiền gốc và lãi theo yêu cầu như trên cho anh, anh đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 231145 cho anh T.

Anh T cho rằng bà Phạm Thị C có trả thay cho anh T 02 lần tiền là 6.700 USD, tương đương 156.030.000 đồng là không đúng. Do trước khi anh T vay tiền của anh thì bà C đã nợ anh số tiền 230.000.000 đồng. Nên bà C đã đến gặp và trả cho anh số tiền 6.700 USD là bà C trả nợ cho bà C, không có việc bà C trả thay cho anh T.

Tại phiên tòa anh P trình bày: anh yêu cầu anh T trả cho anh số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 27-5-2021 ÂL cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Khi nào anh T thanh toán xong số tiền gốc và lãi theo yêu cầu như trên cho anh, anh đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 231145 cho anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Quốc T trình bày:

Anh thống nhất với anh P về các nội dung: về mối quan hệ quen biết giữa anh, anh P và bà Phạm Thị C. Anh xác nhận: ngày 12-5-2021 ÂL bà Phạm Thị C có giới thiệu cho anh đến gặp anh P vay số tiền 300.000.000

đồng. Đến ngày 14-5-2021 ÂL anh tự mình đến gặp anh P vay thêm số tiền 200.000.000 đồng, anh đã gạt bỏ số "300.000.000 (ba trăm triệu đồng) và ghi lại dòng chữ "mượn của anh P tất cả 500.000.000 đ (năm trăm triệu đồng chẳn) 17/5/2021, (ký tên)", anh và anh P thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 5%/tháng. Đến ngày 27-5-2021 ÂL anh trả cho anh P tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền gốc 500.000.000 đồng từ ngày 12-5-2021 ÂL đến ngày 27-5-2021 ÂL.

Vào khoảng tháng 7, tháng 8 năm 2021 anh có nhờ bà C đến gặp anh P để trả tiền nợ thay cho anh, bà C đã đến gặp anh P 02 lần và trả cho anh P, cụ thể như sau; ngày 21-7-2021 bà C trả cho anh P số tiền 4.000 USD, tương đương 93.040.000 đồng (01 USD = 23.260 đồng); ngày 23-8-2021 bà C tiếp tục trả cho anh P số tiền 2.700 USD, tương đương 62.990.000 đồng (01 USD = 23.330 đồng); tổng cộng 02 lần là 156.030.000 đồng nên anh T xác định chỉ còn nợ anh P số tiền 143.970.000 đồng. Do đó, anh T đồng ý trả cho anh P số tiền còn nợ là 143.970.000 đồng và trả tiền lãi là 20%/năm tính từ ngày 23-8-2021 DL cho đến khi giải quyết xong vụ việc. Hiện tại bà C không còn sinh sống tại xã Y, huyện Z, tỉnh Tây Ninh, anh cũng không biết bà C đang ở đâu, anh cũng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho việc bà C trả tiền cho anh P là trả thay cho anh.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 231145 do anh T đứng tên, anh không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa anh T trình bày:

Anh thống nhất về mối quan hệ, về việc vay số tiền 500.000.000 đồng và các thỏa thuận khác như lời trình bày của anh P đã trình bày. Tính đến trước ngày 21-7-2021 DL, anh thừa nhận còn nợ anh P số tiền 300.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 21-7-2021 bà C đã trả thay cho anh số tiền 4.000 USD, (tương đương 93.040.000 đồng, mỗi 01 USD = 23.260 đồng) và ngày 23-8-2021 DL, bà C tiếp tục trả thay cho anh số tiền 2.700 USD (tương đương 62.990.000 đồng, mỗi 01 USD = 23.330 đồng); tổng cộng 02 lần là: 156.030.000 đồng nên anh xác nhận chỉ còn nợ anh P số tiền 143.970.000 đồng. Anh đồng ý trả cho anh P số tiền còn nợ là 143.970.000 đồng và trả tiền lãi là 20%/năm tính từ ngày 23-8-2021 DL.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 231145 do anh T đứng tên, anh không có yêu cầu

gì.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm.

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành tốt những qui định pháp luật, kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Kiểm sát viên không phát hiện có vi phạm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Công P đối với anh Trần Quốc T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc anh T có nghĩa vụ trả cho anh P số tiền nợ gốc 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 20%/năm tính từ ngày 27-5-2021 ÂL (nhằm ngày 06-7-2021 DL) đến ngày 11-8-2022 DL.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc ông Trần Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho ông Trần Công P.

.NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Anh Trần Công P khởi kiện anh Trần Quốc T về tranh chấp dân sự về vay tài sản theo quy định tại 463 của Bộ luật Dân sự, anh T có địa chỉ cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, do đó căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu.

[2] Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sự thống nhất trình bày của bà anh Trần Công P và anh Trần Quốc T thể hiện các nội dung sau:

[2.1] Anh P và anh T thống nhất: ngày 12-5-2021 ÂL, anh T đã vay của anh P số tiền 300.000.000 đồng, đến ngày 17-5-2021 ÂL, anh T tiếp tục vay của anh P số tiền 200.000.000 đồng, tổng cộng 500.000.000 đồng. Đến ngày 27-5-2021 ÂL anh T trả cho anh P số tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 12-5-2021 đến ngày 27-5-2021 ÂL, nên còn nợ lại 300.000.000 đồng. Khi vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng và thời gian thanh toán là 10 ngày sau khi vay. Như vậy có căn cứ xác định hợp đồng vay tài sản giữa anh P và anh T là có thật và hoàn toàn tự nguyện, các bên đã thừa nhận hợp đồng vay có ký hạn và có lãi theo khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự. Đây là các sự kiện có thật không phải chứng minh, được quy định tại tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh P thấy rằng: anh P yêu cầu anh T trả số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng đã vay ngày 12-5-2021 ÂL, nhưng anh T chỉ thừa nhận còn nợ anh P số tiền gốc 143.970.000 đồng, bởi vì bà Phạm Thị C đã trả tiền thay cho anh T 02 lần tổng cộng là 6.700 USD, tương đương 156.030.000 đồng. Quá trình làm việc, anh P thừa nhận có nhận của bà C số tiền 6.700 USD, tương đương 156.030.000 đồng. Tuy nhiên, đây là tiền bà C trả nợ vay của bà C, không phải trả thay cho anh T. Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, thể hiện bà C đã bỏ địa phương đi từ tháng 01 tháng 2022 nên không làm việc được đồng thời anh T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì thể hiện việc các bên thỏa thuận số tiền bà C đã trả cho anh P là trả thay cho anh T. Bên cạnh đó, anh T cũng thừa nhận bà C có vay tiền của anh P nên anh P trình bày bà C trả số tiền này cho anh P là phù hợp. Mặt khác, các bên đều thống nhất số tiền bà C trả trực tiếp cho anh P là ngoại tệ, đồng Đô la Mỹ (USD), giao dịch chưa được phép của Ngân hàng Nhà nước là trái pháp luật theo khoản 13 Điều 1 Pháp lệnh ngoại hối năm 2013 nên không được ghi nhận. Do đó, yêu cầu khởi kiện của anh P là phù hợp theo quy định tại các Điều 357, 463 của Bộ luật dân sự nên có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu trả tiền lãi của anh P thấy rằng: Giữa anh P và anh T thống nhất có thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng (tương đương 60%/năm) là cao hơn mức lãi suất do nhà nước quy định nên cần điều chỉnh mức lãi luất theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm. Vì hợp đồng giữa anh P và anh T là hợp đồng vay có kỳ hạn và có thảo thuận lãi suất nên khi anh T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho anh P thì anh T phải chịu tiền lãi theo các Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự. Anh P yêu cầu tính lãi theo quy định

pháp luật từ ngày 27-5-2021 ÂL nhằm ngày 06-7-2021 DL đến ngày 11-8-2022 DL (ngày xét xử hôm nay) là phù hợp và được tính như sau:

Từ ngày 06-7-2021 DL đến ngày 11-8-2022 DL là 01 năm 01 tháng 05 ngày. Lãi suất 20 %/năm: (300.000.000 đồng x 20%/năm x 1 năm) + (300.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 1 tháng) + (300.000.000 đồng x 0,05 ngày x 5 ngày) = 65.833.330 đồng được làm tròn thành 65.833.000 đồng.

[2.4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Công P. Anh T vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên phải có nghĩa vụ trả anh P số tiền gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi 65.833.000 đồng (tính từ ngày 06-7-2021 DL đến ngày 11-8-2022 DL). Do đó, yêu cầu của anh P là phù hợp theo quy định tại các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Anh T và anh P thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CE 231145 đứng tên anh T, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[4] Xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] *Về án phí sơ thẩm*: Anh Trần Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh P được hoãn trả tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Công P đối với anh Trần Quốc T.

Buộc anh Trần Quốc T có nghĩa vụ trả cho anh Trần Công P số tiền 365.833.000 (*ba trăm sáu mươi lăm triệu tám trăm ba mươi ba nghìn*) đồng. Trong đó, 300.000.000 đồng tiền gốc và 65.833.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày 12-8-2022, nếu anh Trần Quốc T không trả số tiền nêu trên cho anh Trần Công P, thì hàng tháng anh T còn phải trả cho anh P số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Anh Trần Quốc T phải chịu 18.291.000 (*mười tám triệu hai trăm chín mươi mốt nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho anh Trần Công P 7.500.000 (*bảy triệu năm trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0022700 ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: anh Trần Công P, anh Trần Quốc T được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Hoài Tâm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV&THA;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ;
- Lưu./.